**ĐỐI SÁCH SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG NGƯỜI HOA CỦA CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN VÀO CÔNG CUỘC KHAI PHÁ VÙNG ĐẤT NAM BỘ Ở THẾ KỶ XVII-XVIII**

 Nguyễn Đình Cơ (\*)

Thế kỷ XVII do sự bất ổn của tình hình Trung Quốc, nhất là sau khi người Mãn đánh bại hoàn toàn nhà Minh lập ra nhà Thanh (năm 1644), làn sóng di dân người Hoa xuống vùng đất Đàng Trong ngày càng đông đảo. Trong bối cảnh chính quyền Đàng Trong đang đẩy mạnh công cuộc mở đất ở Nam bộ lưu dân người Hoa đã có những đóng góp quan trọng. Với nhiều đối sách khôn khéo, sáng suốt, các chúa Nguyễn đã sử dụng nhân tố người Hoa một cách có hiệu quả để thúc đẩy nhanh hơn quá trình khai phá đất đai, xác lập chủ quyền ở vùng đất phương Nam.

 **Đối sách của chúa Nguyễn đối với lực lượng người Hoa**

Thế kỷ VII, vương quốc cổ Phù Nam suy yếu. Lợi dụng cơ hội đó, Chân Lạp vốn là thuộc quốc đã sáp nhập gần như toàn bộ lãnh thổ của Phù Nam vào vương quốc mình. Tuy nhiên do đặc tính cư trú và sản xuất không phù hợp, trong suốt 10 thế kỷ (thế kỷ VII cho tới thế kỷ XVI), Nam bộ về cơ bản vẫn là một vùng đất rất hoang sơ, chưa được mở mang, khai khai phá nhiều. Điều này điều này được phản ánh khá rõ nét trong mô tả của Châu Đạt Quan, sứ thần được nhà Nguyên cử sang Chân Lạp vào thế kỷ XIII**[[1]](#footnote-1)**, hay trong ghi chép của nhà bác học Lê Qúy Đôn ở thế kỷ XVIII**[[2]](#footnote-2)**. Có thể khẳng định: Nam Bộ là một vùng đất được quản lý lỏng lẻo, gần như là “*vô chủ*” trước khi cư dân người Việt đặt chân đến khai phá.

 Đến thế kỷ XVI, bằng nhiều con đường khác nhau, chủ yếu là theo đường biển, lưu dân người Việt từ vùng ngũ Quảng đã đặt chân lên Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai từ đó tỏa đi khai khẩn đất đai, lập làng xóm khắp vùng đất Đông Nam bộ rồi tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu. “*Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy có dân nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, chẳng dám tranh chấp điều gì*”**[[3]](#footnote-3).** Họ tích cực khai phá đất đai, vỡ đất làm ruộng, kết thành xóm làng, tạo tiền đề cho nhà nước xác lập chủ quyền sau này.

 Giữa thế kỉ XVII, tình hình chính trị Trung Quốc có nhiều biến động, nhà Minh sụp đổ, nhà Mãn Thanh được thành lập. Các phong trào “phản Thanh phục Minh” lần lượt bị đàn áp, nhiều nhóm người Hoa trong các phong trào này dong thuyền chạy xuống khu vực Đông Nam Á lánh nạn, tìm vùng đất mới. Cùng với với lực lượng người Việt, thời gian này, lưu dân người Hoa cũng đặt chân đến Gia Định, hợp sức cùng với các cộng đồng cư dân đã định cư trước ở đây, vỡ đất, lập chợ xây dựng vùng đất này trở nên trù phú, sầm uất hơn.

 Năm Mậu Dần (1679), tướng cũ của nhà Minh là Tổng binh Long môn Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến cùng Tổng binh Cao Lôi Liêm là Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình, đem binh lính và gia quyến hơn 3000 người đến biển Tư Dung (Huế) “xin làm tôi tớ” cho chúa Nguyễn. Trịnh Hoài Đức ghi chép về sự kiện này như sau:  “Tháng 4 năm Kỷ Mùi (1679), quan Tổng binh thủy lục trấn thủ các xứ ở Long Môn thuộc Quảng Đông nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lôi, Liêm là Trần Thắng Tài, phó tướng Trần An Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3.000 người với chiến thuyền hơn 50 chiếc xin được vào Kinh bằng hai cửa Tư Dung và Đà Nẵng (…) họ không thể thần phục nhà Minh nên chạy sang nước Nam nguyện được làm dân mọn (…). Triều đình mới tổ chức khao đãi ân cần, chuẩn y cho giữ nguyên chức hàm, phong cho quan tước rồi lệnh cho tới Nông Nại (Đồng Nai) làm ăn, gắng sức khai phá đất đai (…). Bọn tướng Long Môn họ Dương đem binh thuyền tiến nhanh vào cửa Xoài Rạp và cửa Đại, cửa Tiểu dừng trú tại xứ Mỹ Tho. Bọn tướng các xứ Cao, Lôi, Liêm họ Trần thì đem binh thuyền vào cửa Cần Giờ. Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ rồi đồn trú tại xứ Bàn Lân thuộc Đồng Nai”[[4]](#footnote-4)

Sự kiện năm 1679 là cuộc di dân với quy mô lớn nhất của lực lượng người Hoa vào vùng đất Đàng Trong từ trước cho tới lúc đó[[5]](#footnote-5), đặt chính quyền chúa Nguyễn trước nhiều vấn đề khó xử nếu giải quyết không khéo sẽ dẫn đến những rắc rối không đáng có. Như nhận định của các sử gia nhà Nguyễn: “*Bấy giờ bàn bạc rằng: Phong tục tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dung, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nỡ cự tuyệt. Nay đất Đông Phố (tên cổ của Gia Định) nước Chân Lạp đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rỗi mà kinh lý, chi bằng nhân lấy sức của họ cho đến khai khẩn để ở...*”**[[6]](#footnote-6)**. Có 2 điều mà chính quyền Đàng Trong cân nhắc và quyết định không cự tuyệt yêu cầu của lực lượng đông đảo người ngoại quốc này.

 Thứ nhất đội quân của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch là một đội quân tương đối đông (trên 3000 người), được tổ chức tốt nên nếu cự tuyệt họ trong thế cùng đường họ quay giáo chống lại, đó là một tai họa lớn của chính quyền chúa Nguyễn mới được tổ chức lại sau nội chiến. Thêm một thông tin nữa, mà chính quyền chúa Nguyễn chắc chắn đã biết, theo nghiên cứu của Gs. Trần Kinh Hòa, Dương Ngạn Địch là một tướng cướp khét tiếng buổi đầu nhà Thanh, tên là Dương Nhị gây cho nhà Thanh rất nhiều khó khăn trong việc đối phó**[[7]](#footnote-7) (**điều này lý giải tại sao Bảng trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm gọi Dương Ngạn Địch là “Đảng khấu tướng quân”[[8]](#footnote-8))Vậy nên đội quân 3000 người của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch quả không phải là một đội quân bình thường. Đó là cái lý thứ nhất mà chính quyền Đàng Trong bàn bạc cân nhắc kỹ.

 Thứ hai, “*Họ bị thế cùng bách đến đây thì không nở cự tuyệt*”, điều này thể hiện sự chính nghĩa và nhân từ của các chúa Nguyễn, chắc chắn sẽ khiến cho lực lượng ngoại quốc này phải cảm kích. Chính nhờ sự đối đãi bằng tấm lòng quảng đại này khiến cho lực lượng người Hoa này lúc đầu sang có thể chỉ nhằm mục đích kiếm một chổ trú chân tạm chờ thời, dần dần đã coi nơi đây là quê hương của mình.

 Tuy nhiên việc tiếp nhận đội quân này cũng không phải là việc dễ dàng, thể hiện một sự dũng cảm, quyết đoán và khôn ngoan của chúa Nguyễn Phúc Tần.

 Việc tiếp nhận một đội quân phản nghịch của Thiên Triều (nhà Thanh) và không những thế còn tiếp đãi họ rất trọng thị quả không mấy người dám làm điều đó. Hơn nữa như đình nghị của triều thần: “*Phong tục tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dung”* tiếp nhận đội quân này không đảm bảo họ sẽ không làm ảnh hưởng đến phong hóa chung và có thể sẽ có những hành động phạm đến an ninh của chính quyền trong tương lai (sự kiện Hoàng Tiến giết chết Dương Ngạn Địch rồi chống lại chúa Nguyễn sau này minh chứng cho điều đó). Tiếp nhận họ nhưng sẽ để cho họ ở đâu là điều mà có lẽ chúa Nguyễn Phúc Tần và triều thần của mình phải đình nghị. Nếu để họ ở gần kinh đô Phú Xuân chắc chắn sẽ là mối họa lớn từ nhiều phía, “*Vả lại xứ Đông Phố (một tên khác của đất Gia Định xưa), đất đai màu mỡ có đến ngàn dặm, triều đình chưa rỗi để lo liệu, chi bằng tận dụng sức lực của họ, giao cho họ khai hoang đất để ở, ấy là một cách làm mà được ba điều lợi*”**[[9]](#footnote-9)**. Điều lợi thứ nhất là chúa Nguyễn sẽ được tiếng là chính nghĩa giúp đỡ kẻ cùng đường nhưng sẽ tránh được những điều khó ăn khó nói với chính quyền nhà Thanh. Điều lợi thứ hai là chúa Nguyễn sẽ tận dụng được lực lượng người Hoa dồi dào về nhân lực và vật lực cho công cuộc khai phá vùng đất Gia Định (mục tiêu mở mang của chúa Nguyễn sau khi sáp nhập xong vùng đất Nam Trung Bộ). Điều lợi thứ ba chúa Nguyễn Phúc Tần muốn sử dụng lực lượng người Hoa không chỉ là lực lượng khai phá, mở mang lãnh thổ mà ông còn sử dụng lực lượng này để làm nhiệm vụ bảo vệ vùng đất biên viễn (Đông Phố, sau này là Trấn Biên, Phiên Trấn) trước sự đe dọa thôn tính của người Xiêm, sự lấn chiếm của Chân Lạp, đảm bảo an toàn cho những lưu dân của mình ở đây. Vậy nên, sau khi chúa “*Đặt yến tiệc đãi họ, an ủi, khen ngợi, cho tướng lãnh y chức cũ, phong thêm quan tước mới, khiến vào ở đất Đông Phố để mở mang đất ấy. Sai xá sai Vân Trình, Tướng thần Lại Văn Chiếu đem thư cho vua Chân Lạp yêu cầu cấp đất đai cho họ. Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên đến phủ chúa tạ ơn, vâng theo chỉ dụ vào Nam. Rồi do Vân Trình, Văn Chiếu hướng dẫn binh thuyền tướng sĩ Long Môn của Ngạn Địch tiến vào cửa Lôi Lạp, theo cửa Đại, cửa Tiểu, đến định cư ở Mỹ Tho, binh thuyền tướng sĩ Cao, Lôi, Liêm Trần Thượng Xuyên, An Bình vào cửa biển Cần Giờ, lên dịnh cư ở Bàn Lân, xứ Đồng Nai*…”**[[10]](#footnote-10).** Việc chúa Nguyễn cho người hướng dẫn 2 lực lượng người Hoa vào vùng đất Gia định sắp xếp họ hợp sức với lực lượng của quân đội của chúa Nguyễn và lưu dân người Việt đã định cư từ trước để khai phá, bảo vệ vùng đất Gia Định chính là một sự tính toán, sắp đặt rất thông minh.

Cũng vào cuối thế kỷ XVII, một lực lượng người Hoa khác do Mạc Cửu dẫn đầu cũng đặt chân tới vùng đất Hà Tiên. Trịnh Hoài Đức cho biết: “*Năm Khang Hy thứ 19 (1680), tỉnh Quảng Đông mới được dẹp xong, nhà Minh mất, Mạc Cửu không khuất phục chính sách buổi đầu của nhà Đại Thanh, mới chừa tóc rồi chạy qua Phương Nam, trú tại phủ Nam Vang nước Cao Miên.*”**[[11]](#footnote-11)**

Nhận thấy nội tình của Chân Lạp rối ren và vùng đất Hà Tiên có tiềm năng để phát triển, ông đã mộ dân người Việt, người Hoa… khai phá lập nên toàn bộ vùng đất Hà Tiên - Long Xuyên - Bạc Liêu - Cà Mau (được gọi chung là Hà Tiên) và kiến tạo vùng này thành khu vực cát cứ của dòng họ mình, không còn lệ thuộc vào chính quyền Chân Lạp nữa**[[12]](#footnote-12)**. Với điều kiện đất đai phì nhiêu thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp và nằm ở vị trí trọng yếu trên con đường hàng hải biển quốc tế từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương, Hà Tiên nhanh chóng trở thành một cảng thị trù phú. Cũng vì vị trí như vậy, Hà Tiên là nơi tranh giành ảnh hưởng của Xiêm, Đàng Trong và Chân Lạp. Đặc biệt với chính sách hướng Đông của mình, vua Xiêm đã nhiều lần đem quân xâm chiếm Hà Tiên. Vào năm 1687, quân Xiêm tấn công vào Hà Tiên, cướp bóc và bắt Mạc Cửu đưa về Xiêm. Phải hơn 10 năm sau, Mạc Cửu mới lập mưu, trốn thoát và trở lại vùng đất Hà Tiên**[[13]](#footnote-13).** Từ đây, Ông đã có sự suy tính về tương lai của mình cũng như của vùng đất Hà Tiên. Qua biến cố lớn đó, Mạc Cửu nhận thấy thế lực của vương triều Chân Lạp đã quá suy yếu không đủ sức bảo vệ cho mình, vương triều Xiêm thì tham vọng quá lớn nếu đứng về Xiêm thì quyền lợi của mình và dòng họ sẽ không giữ được. Được sự cố vấn của những người kề cận và bằng thực tế chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với những người đồng hương của mình trước đó, năm 1708, Mạc Cửu đã cho người đến Phú Xuân đem ngọc, lụa dâng biểu xưng thần, xin được sáp nhập vào lãnh thổ chúa Nguyễn. Cũng theo Trịnh Hoài Đức: “*… Mạc Cửu còn sai thuộc hạ là Trương Cầu và Lý Xá dâng biểu trần tình lên kinh đô Phú Xuân khẩn cầu xin được đứng đầu trông coi đất ấy.* *Tháng 8 mùa thu năm 18 Mậu Tý (1708) đời Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế (Quốc chúa Nguyễn Phúc Chú) (Lê Dụ Tông niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 4, Đại Thanh Khang Hy thứ 47), chuẩn ban cho Mạc Cửu Tổng binh trấn Hà Tiên và phong tước Cửu Ngọc Hầu”***[[14]](#footnote-14).**.

Việc sử dụng lực lượng họ Mạc ở Hà Tiên của chúa Nguyễn có sự khác biệt với việc sử dụng lực lượng của quân tướng Long Môn trước đó. Chính quyền Đàng Trong có được vùng đất Hà Tiên mà không phải dùng đến lực lượng quân sự và cũng không phải dùng đến biện pháp ngoại giao gây sức ép với chính quyền Chân Lạp, hay với họ Mạc ở Hà Tiên. Mạc Cửu tìm đến với chúa Nguyễn một cách tự nguyện, xuất phát từ lợi ích thiết thân của gia tộc và bản thân mình. Đây có thể xem như một hành động mà các trí thức Nho giáo trước đây thường làm: tìm một minh chủ đáng để mình tôn thờ và đi theo. Những hành động trước đây của chúa Nguyễn đã tạo nên niềm tin lớn đối với Mạc Cửu, ông đã đi đến một hành động rất ư là mạo hiểm nhưng cũng rất sáng suốt lúc bấy giờ là đặt cả tương lai của mình và vùng đất của mình làm chủ vào chính quyền Đàng Trong. Kết quả là Mạc Cửu vẫn giữ được địa vị đứng đầu vùng đất Hà Tiên, còn chúa Nguyễn thì tiến một bước dài trong quá trình mở đất ở Nam bộ.

Chúa Nguyễn Phúc Chu và các vị chúa kế tục đã có chính sách đãi ngộ rất lớn đối với họ Mạc ở Hà Tiên. Ngoài việc tiếp tục cho Mạc Cửu và con cháu có quyền thế tục làm Tổng trấn Hà Tiên, chúa Nguyễn còn cho họ Mạc cai trị vùng đất Hà Tiên với tính tự trị cao, thường xuyên cho lực lượng tăng cường, hỗ trợ khi Hà Tiên có biến… “*Tiên hoàng đế nghĩ rằng Hà Tiên là một hùng trấn án ngữ nơi biên ải khó khăn của nước nhà, bèn ban sắc truy tặng Thái công (Mạc Cửu) chức Khai Trấn Trụ Quốc Đại Tướng quân và cho Công Da ta (Mạc Thiên Tứ) được hưởng quyền thế tập chức Tổng binh Đại đô đốc, lại còn ban cho bộ áo mãng bào sắc đỏ cùng với các thứ ấn tín*”**[[15]](#footnote-15)**. Niềm tin của Mạc Cửu – lòng quảng đại của chúa Nguyễn đã tạo nên một sự gắn kết keo sơn giữa vùng đất Đàng Trong với Hà Tiên, cũng như sự trung thành tuyệt đối hiếm có của cha con Mạc Cửu (ban đầu là những người ngoại quốc) với chúa Nguyễn trong suốt chiều dài lịch sử, kể cả lúc chúa Nguyễn thất thế.

**Đóng góp của lực lượng người Hoa vào công cuộc khai phá vùng đất Nam bộ.**

Với thế mạnh buôn bán của mình người Hoa đã có vai trò quan trọng trong việc hình thành nên những trung tâm đô thị sầm uất ở khu vực Nam bộ.

Đầu tiên ở đô thị Cù Lao phố (hay Đồng Nai đại phố, Nông Nại đại phố), sự hình thành của đô thị này gắn liền với đóng góp lớn của nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu. Khi mới đến nơi đây, Trần Thượng Xuyên nhận thấy vùng đất này có ưu thế cho việc phát triển nông nghiệp với quy mô lớn, lại thuận tiện cho giao thông thủy, bộ, có lợi cho việc buôn bán nên đã xây dựng nơi đây một thương cảng. Đường sá ở Đồng Nai được mở mang, chợ búa được lập ở nhiều nơi, hàng hóa dồi dào, phố xá được xây dựng, tàu bè của thương nhân ngoại quốc cập bến nơi đây thường xuyên. Đô thị Cù Lao phố được hình thành trên cơ sở một cảng sông sâu trong nội địa nên có lợi thế tối ưu để trở thành một trung tâm trao đổi hàng hóa tấp nập với nhiều chủng loại hàng hóa đa dạng, phong phú. Đầu thế kỷ XVIII, Cù Lao phố đã trở thành một thương cảng lớn, một trung tâm thương mại quan trọng của chính quyền Đàng Trong nói chung cũng như vùng đất Nam Bộ nói riêng. Như miêu tả của Trịnh Hoài Đức “…*Phố xá nhà ngói tường vôi, lầu cao chót vót, quán mấy tầng rực rỡ bên sông, dưới ánh mặt trời, liên tục năm dặm mở ra ba đường phố. Phố lớn lát đường đá trắng, phố ngang lát đường đá ong, phố nhỏ lát đường đá xanh, bằng phẳng như đá mài. Khách buôn tụ tập đông, thuyền biển, thuyền sông, tránh gió bỏ neo, lớn nhỏ sát nhau, là một nơi đô hội*”**[[16]](#footnote-16)**…

Cũng thời gian trên, “*Dương Ngạn Địch cũng lập Mỹ Tho Đại phố, tàu thuyền tới lui buôn bán đông đúc, lại nhóm họp nguời Tàu, người Miên, người Việt vỡ đất làm ruộng, chia lập trang trại thôn ấp*”**[[17]](#footnote-17)**. Nhận thấy đây là một vùng đất đai màu mỡ, Dương Ngạn Địch đã tập hợp người Việt, người Khmer, người Hoa… đến đây khai hoang, vỡ đất, mở rộng diện tích. Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của người Việt, truyền thống buôn bán của người Hoa, ý thức vươn lên của những lưu dân phiêu bạt xa quê hương đi tìm vùng đất mới… đã tạo nên một bức tranh kinh tế muôn màu chưa từng có của vùng đất này. Đô thị Mỹ Tho Đại phố được dựng lên ở nơi hợp lưu của giữa sông Mỹ Tho và kênh Vũng Gù, một địa điểm thích hợp cho việc trao đổi hàng hóa bằng đường thủy. Trịnh Hoài Đức đã nhận định về vị trí của cảng Mỹ Tho trong hệ thống buôn bán ở Nam Kỳ như sau: “*Phàm thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông*”**[[18]](#footnote-18)**. Nhiều chợ lớn ở Mỹ Tho đã được hình thành, là nơi buôn bán gạo với số lượng lớn, đặc biệt là ở Chợ Gạo là một đầu mối kinh doanh gạo có tiếng của đất Nam Bộ. Thương nhân các vùng khác cũng như thương nhân ngoại quốc đến Mỹ Tho buôn bán, đặc biệt là để mua gạo tấp nập ngày đêm. Tàu bè qua lại nhộn nhịp, có khi neo đậu như một bến thuyền lớn. Ngoài gạo, Mỹ Tho còn là nơi cung cấp cho thị trường bên ngoài nhiều loại sản vật khác như: cau, tôm khô, cá khô, các loại mắm… Từ sự phát triển của đô thị Mỹ Tho, cư dân các nơi đã tập trung về đây đông hơn, sống tập trung, khai phá đất đai và lập nên nhiều làng xóm mới.

Ngoài ra thương cảng Hà Tiên cũng là một trung tâm buôn bán quan trọng của Nam Bộ trong hệ thống thương mại trên biển Đông. Mạc Cửu, sau này người kế tục ông là Mạc Thiên Tứ, đã thực hiện những chính sách rất cởi mở, chú trọng phát triển thương mại, như: mở cảng cho tàu buôn nước ngoài đến buôn bán, giảm và miễn thuế trong những thời điểm để thúc đẩy hoạt động trao đổi buôn bán. Hà Tiên thời Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ là một hải cảng quan trọng trong tuyến hàng hải thương mại Châu Á qua vịnh Thái Lan để đi đến nhiều quốc gia và khu vực. Trong *Gia Định Thành Thông Chí*, Trịnh Hoài Đức đã miêu tả cảnh náo nhiệt của xứ Hà Tiên như sau: “*Đường sá giao nhau, phố xá nối liền, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Chà Và đều họp nhau sinh sống, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây như mắc cửi, thật là nơi đô hội nơi biển vậy*”**[[19]](#footnote-19)**.

 Trước đây khi nghiên cứu về vai trò của người Hoa đối với vùng đất Nam bộ thời chúa Nguyễn chúng ta thường nhấn mạnh đến đóng góp trong quá trình khai phá đất đai, vỡ đất lập làng của họ. Nhưng thiết nghĩ đóng góp này của người Hoa là không lớn, đội quân của Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên là lực lượng quân sự khi mới sang họ chắc vẫn đang nuôi dưỡng quyết tâm chờ thời để phục thù nhà Thanh, Mạc Cửu thì cũng là một nhà buôn nên chủ yếu là mở sòng bài, buôn bán để thu lợi. Công lao của những lực lượng người Hoa trong lĩnh vực khai phá đất đai chủ yếu là họ đã tổ chức người Việt, người Chăm, Khmer… đã sinh sống trước đó cùng với người Hoa vừa tới vỡ đất hoang lập làng xóm. Với truyền thống buôn bán và sản xuất thủ công nghiệp người Hoa đã lập nên những đô thị sầm uất ở vùng cực Nam Đàng Trong, tạo sức hút cho các lớp lưu dân tiếp theo tìm đến với vùng đất này.

**Lực lượng người Hoa tham gia bảo vệ vùng đất mới**

Bằng sự sắp xếp khéo léo của chính quyền chúa Nguyễn: cho người Hoa định cư ở những vùng đất biên viễn, lực lượng này đã có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ vùng đất Nam bộ trước sự đe dọa của các thế lực bên ngoài.

 Trở về từ Xiêm (khoảng năm 1700), Mạc Cửu đã tập trung xây dựng Hà Tiên thành một căn cứ phòng thủ vững chắc để tự bảo vệ mình. Sau khi sáp nhập vùng đất của mình vào lãnh thổ đàng Trong, chúa Nguyễn và Mạc Cửu có sự quan tâm rất lớn đến bố phòng của vùng đất trọng yếu này. Mạc Cửu “*bấy giờ mới phòng bị nghiêm ngặt, đắp lũy đất, đặt xích hậu xa để làm kế phòng thủ, nhiều điếm canh mà các đồn ở nơi Giang Thành và hải đảo đều đặt*”[[20]](#footnote-20). Chính quyền Đàng Trong cũng ngày càng ý thức rõ hơn về vị trí địa chiến lược của vùng đất này: “*Phía đông giáp tỉnh An Giang, phía Tây Nam giáp biển, phía bắc giáp tiếp Cao Miên, núi cao có Vân Sơn, sông lớn có Đông Hồ; dựa núi làm thành quách, sát biển làm hào, bảo giang thành đỡ mặt sau; lũy bảo Phù Anh Thị Vạn che ngang mặt sau; pháo đài Kim dữ là then khóa ở cửa biển, đảo Phú Quốc là bình phong ngoài khơi…thực là nơi cửa ngõ hiểm yếu của Nam Kỳ*”**[[21]](#footnote-21)**. Đặc biệt là sau sự kiện quân Xiêm tấn công cướp phá Hà Tiên năm 1715, chúa Nguyễn càng có sự chú ý đặc biệt hơn đối với vùng đất Hà Tiên, quan tâm động viên, trợ giúp họ Mạc kịp thời trong việc bố phòng cũng như bảo vệ vùng đất này trước những đợt tấn công của Chân Lạp, và Xiêm. Từ đó trở về sau Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã tổ chức lực lượng bảo vệ được sự bình yên của vùng đất này trước những cuộc tấn công của các thế lực ngoại xâm, tiêu biểu như trận đánh của Mạc Thiên Tứ đánh bại cuộc tấn công của “*Nặc Bồn nước Cao Miên đem quân lấn Hà Tiên*” vào năm 1739, có sự bảo trợ của vua Xiêm, bảo vệ cùng đất Hà Tiên**[[22]](#footnote-22)**.

 Không chỉ bảo vệ trước nguy cơ tấn công từ hai nước láng giềng, họ Mạc còn có công trong việc đánh tan các lực lượng cướp biển bảo vệ bình yên cho vùng biển cực Nam của tổ quốc. Hà Tiên là một vùng đất trù phú, nhiều sản vật quý hiếm, lại nằm ở vị trí trọng yếu trên con đường hàng hải quốc tế, với địa thế hiểm trở nhiều núi non, hang động, cũng như các đảo chìm, đảo nổi đã trở thành nơi trú ẩn, hoạt động của nhiều toán hải tặc. Nhận thức được điều này Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đã chú trọng đến việc tổ chức quân bố phòng để chống lại thứ giặc nguy hiểm này: “*Giặc biển Chà Và cũng bất thần ngầm nấp ở các đảo để cướp của bắt người, cho nên xứ ấy đều sắm khí giới để phòng bị, mà thuyền tuần của lính trấn thì cứ đến mùa gió nam là tuần phòng cẩn thận, hơi sơ phòng một chút là có cướp ngay*”**[[23]](#footnote-23).** Lực lượng quân đội của họ Mạc đã đánh tan nhiều toán cướp nguy hiểm hoạt động ở vùng biển Đông trả lại sự yên bình và an toàn cho những đoàn thương thuyền và ngư dân đi qua nơi đây: năm 1747, Mạc Thiên Tứ sai con rể là Ngũ Nhung, Cai đạo kỳ tài hầu Từ Hữu Dụng đem 10 chiến hạm tấn công đám “*giặc biển là Ngụy Vũ Vương tên là Đức Bụng (người phủ Quy Nhơn)*” “*bắt được đảng hắn 4 tên đem chém hết*”**[[24]](#footnote-24)**; năm 1767, tiêu diệt cướp biển Hoắc Nhiên khét tiếng, Quốc sử quán nhà Nguyễn có ghi lại: cướp biển Hoắc Nhiên “*Vây cánh ngày càng nhiều, có ý dòm ngó Hà Tiên. Quân đi tuần thám biết tình hình, Thiên Tứ mật sai quân tinh nhuệ, ngầm đến vây bắt*”**[[25]](#footnote-25)**. Ngoài ra họ Mạc còn đánh bại các lực lượng phe đảng từ Trung Quốc luôn nhòm ngó và tìm mọi cách để đánh cướp vùng đất đô hội này. Điển hình như sự kiện năm 1749, Trần Thái một người Triều Châu tập hợp lực lượng ở núi Bạch Mã, ngầm mua chuộc, kết hợp với một số phần tử họ Mạc làm nội ứng. Mạc Thiên Tứ đã cho quân mai phục, đánh bại lực lượng loạn đảng, Trần Thái phải chạy sang Xiêm La**[[26]](#footnote-26).**

 Trong lĩnh vực khai phá đất đai, Trần Thượng Xuyên đã chứng tỏ mình là một người tổ chức có tài, khi đã tập hợp được các lực lượng lưu dân người Việt, những người Khmer và các cư dân bản địa khác có mặt từ sớm cùng với những người Hoa mới đến khai phá, mở rộng đất đai, lập chợ xây dựng nên đô thị Đồng Nai đại phố (hay Nông Nại đại phố) sầm uất. Tuy nhiên, với xuất thân là một vị tướng quân, Trần Thượng Xuyên đã có nhiều đóng góp về mặt quân sự đối vùng đất Nam bộ nói chung và vùng đất Đồng Nai nói riêng.

Thứ nhất, Trần Thượng Xuyên đã có công lớn trong việc đánh tan nội phản (như bắt và giết được Hoàng Tiến, thu phục tàn quân Long Môn năm 1688), đem lại sự bình yên cho người dân Đồng Nai và phát triển của văn hóa địa phương**[[27]](#footnote-27)**. Điều này lý giải vì sao từ xưa đến nay người dân xứ Đồng Nai luôn ghi tạc, tôn thờ và coi ông là người khai sáng nên vùng đất này.

Thứ hai, ông tham gia chỉ huy nhiều cuộc tấn công của lực lượng Đàng Trong chống lại sự đe dọa xâm lấn của Chân Lạp, bảo vệ biên cương, mở rộng lãnh thổ Nam bộ (như dẹp loạn Nặc Ông Thâm và Nặc Ông Thu tấn công tới tận thành La Bích vào các năm 1688, năm 1700 và năm 1715). Công lao của ông được chúa Nguyễn ghi tạc với danh hiệu: “Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt”. Một vinh dự hiếm có đối với một người xuất thân từ ngoại quốc.

Kế tục cha mình, Trần Đại Địch cũng trở thành một vị tướng dũng mãnh: “*Thống binh Trấn Đại Định (con Trần Thượng Xuyên) suất lĩnh các thuộc tướng Long Môn đi đánh giặc ở Phù Viên [Vườn trầu]*”, dẹp loạn Sá Tốt (Lào), đánh tận kinh đô của Chân Lạp (năm 1732).[[28]](#footnote-28)

 Như vậy trong buổi đầu khai phá vùng đất Nam bộ, lực lượng người Hoa đến với vùng đất Nam bộ muộn hơn so với lưu dân người Việt và cũng không đông đảo bằng người Việt, tuy nhiên lực lượng này đã có những đóng góp đáng kể cho việc hoàn thành sự nghiệp Nam tiến của dân tộc ở thế kỷ XVII-XVIII. Những nhóm lưu dân người Hoa khi đặt chân đến vùng đất Nam bộ đa phần đều được chúa Nguyễn sắp xếp định cư hoặc đã trấn giữ ở những nơi trọng yếu (xứ Đồng Nai, Mỹ Tho, xứ Hà Tiên) để vừa mở rộng đất đai, vừa sử dụng thế mạnh của người Hoa là buôn bán để phát triển kinh tế của những vùng đất trọng điểm thu hút dân cư tập trung đến, đặc biệt các chúa Nguyễn đã dùng lực lượng người Hoa (lực lượng của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, lực lượng họ Mạc) để bảo vệ những cửa ngõ của vùng đất Nam bộ trước sự đe dọa dòm ngó, tấn công của người Xiêm, Chân Lạp và các lực lượng khác. Những đóng góp của lực lượng người Hoa đối với công cuộc khai phá vùng đất Nam bộ ở thế kỷ XVII-XVIII là minh chứng cho sự sáng suốt, khôn khéo của chính quyền chúa Nguyễn trong việc sử dụng các yếu tố ngoài lực để phát triển vùng đất của mình.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Nguyễn Khoa Chiêm (1990), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga dịch, Nxb Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Đặng Văn Chương (2010), *Quan hệ Thái Lan – Việt Nam cuối thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
3. Huỳnh Ngọc Đáng (2005), *Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa*, Luận án Tiến sĩ Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, Lê Xuân Giáo dịch, Ủy ban dịch thuật Nha Văn hóa Phú Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
5. Trịnh Hòai Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, Nxb Văn hóa, Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
6. Vũ Minh Giang (cb) (2008), *Lược sử vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777 : cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
8. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (1959), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Nha văn hóa Bộ Quốc Gia giáo dục, Sài Gòn.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội.
1. (\*) Trường CĐSP Trung ương Tp. Hồ Chí Minh. Email: nguyendinhco1985@gmail.com

 “*Bắt đầu vào Chân Bồ (vùng biển Vũng Tàu ngày nay), gần hết cả vùng đều là bụi rậm của rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chảy dài hàng trăm dặm, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú sum suê. Khắp nơi vang tiếng chim hót và tiếng thú kêu…”* [Châu Đạt Quan (2006), *Chân lạp phong thổ kí*, Nxb Thế giới, Hà Nội, trang 80]. [↑](#footnote-ref-1)
2. “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các biển Cần giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm*” [Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, Lê Xuân Giáo dịch, Ủy ban dịch thuật Nha Văn hóa Phú Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, trang 243.] [↑](#footnote-ref-2)
3. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, tập 3, trang 2. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, sdd, trang 3. [↑](#footnote-ref-4)
5. Về sự kiện Mậu Dần (1679) còn có nhiều vấn đề cần xem xét lại: có phải trong năm này có cùng lúc 2 lực lượng của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đến Đàng Trong hay không? thậm chí năm 1679 đã chính xác chưa? Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề ở một bài khác. Ở bài viết này chúng tôi tập trung vào đối sách của các chúa Nguyễn nên tạm thời đồng thuận theo sự ghi chép của Trịnh Hoài Đức và các bộ sử của nhà Nguyễn. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, trang 79. [↑](#footnote-ref-6)
7. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777 : cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, trang 314. [↑](#footnote-ref-7)
8. Xem trong Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, trang 202-203. [↑](#footnote-ref-8)
9. Trịnh Hoài Đức, Sđd, trang 110. [↑](#footnote-ref-9)
10. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong: Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn Học, Hà Nội, trang 316. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trịnh Hoài Đức, Sđd, trang 159. [↑](#footnote-ref-11)
12. Trần Thị Mai, *Vị trí và vị thế của Nam bộ thế kỷ XVII - XIX*,Vanhoahoc.vn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đặng Văn Chương (2010), *Quan hệ Thái Lan Việt Nam cuối thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX*, Nxb ĐHSP, Hà Nội, trang 12. Trương Minh Đạt thì dẫn “Mạc Thị gia phả” của Vũ Thế Dinh cho rằng Mạc Cửu không bị bắt hay bị ép buộc mà được Xiêm mời sang, theo cá nhân tác giả thì không thực sự thuyết phục (nên nhớ lúc này Xiêm tấn công và cướp phá Hà Tiên) [↑](#footnote-ref-13)
14. Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Sđd, trang 159. [↑](#footnote-ref-14)
15. Vũ Thế Dinh, *Hà Tiên hiệp trấn Mạc Thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 20-21. [↑](#footnote-ref-15)
16. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Sđd, trang 79. [↑](#footnote-ref-16)
17. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777 : cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam,* Sđd, trang 322. [↑](#footnote-ref-17)
18. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sđd, trang 56. [↑](#footnote-ref-18)
19. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sđd, trang 238. [↑](#footnote-ref-19)
20. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sđd, trang 70. [↑](#footnote-ref-20)
21. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, tập 5, trang 9. [↑](#footnote-ref-21)
22. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, sđd, trang 243. [↑](#footnote-ref-22)
23. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí,* sđd, trang 69. [↑](#footnote-ref-23)
24. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí,* sđd, trang 121. [↑](#footnote-ref-24)
25. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, trang 121. [↑](#footnote-ref-25)
26. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, trang 235. [↑](#footnote-ref-26)
27. Nguyễn Tuấn Triết, *Góp phần tìm hiểu về Trần Thượng Xuyên và người Hoa ở Đông Nam bộ*, dẫn theo Sugia.vn, ngày 24/7/2012. [↑](#footnote-ref-27)
28. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* sđd, trang 125-126. [↑](#footnote-ref-28)